TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 5 - 2025
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Khánh Linh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Trang
2. Ông Vũ Tiến Thịnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Huyền Trang - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Phương D**, sinh năm 1988;

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 49, đường B, tổ 02, phường B, thành phố T, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: 549/89/7 X, Phường 26, quận B1, Thành phố H. (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc Q**, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Số nhà 303, đường L, tổ 14, phường B, thành phố T, tỉnh T. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Phương D trình bày:*

Chị và anh Phạm Ngọc Q tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh T vào ngày 02 tháng 5 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra việc tranh cãi khiến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên khoảng tháng 5/2024 chị đã vào trong miền Nam để sinh sống và làm việc, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không còn liên lạc hay hay quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tòa án đã gửi, tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn anh Phạm Ngọc Q không đến Tòa án giải quyết và cũng không gửi về Tòa án văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Biên bản xác minh ngày 17/3/2025, bà Lê Thị Đ, sinh năm 1963; Trú tại: Số nhà 303, đường L, tổ 14, phường B, thành phố T, tỉnh T là mẹ đẻ của anh Phạm Ngọc Q trình bày:*

Chị D và anh Q có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Do vợ chồng lấy nhau lâu vẫn chưa có con, đã chữa trị nhiều lần nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Anh Q đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, nhưng anh Q không đồng ý ly hôn và có quan điểm nếu chị D kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật. Gia đình cũng mong muốn hai anh chị đoàn tụ để vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng nếu chị D kiến quyết muốn ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật. Chị D đã đi khỏi địa phương từ tháng 8/2024 đến nay không về nữa. Về con chung: Anh chị không có con chung. Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung nên gia đình không có ý kiến. Anh Q đi làm hành chính nên Tòa án xuống làm việc không ghi được ý kiến, nếu gửi văn bản cho anh Q đề nghị Tòa án gửi về địa chỉ nhà, bà Điều sẽ có trách nhiệm thông báo và giao lại cho anh Q.

** Biên bản xác minh ngày 17/3/2025, ông Đỗ Minh L1 - Tổ trưởng tổ 14, phường B, thành phố T, tỉnh T cung cấp:*

Chị D và anh Q có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì hay không địa phương không nắm được. Địa phương biết hai anh chị lấy nhau nhiều năm vẫn chưa có con chung, mặc dù đã chữa trị nhiều năm nhưng không có kết quả. Chị D đã đi khỏi địa phương từ tháng

8/2024 đến nay địa phương không thấy quay lại. Đối với việc chị D đề nghị xin ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung: vợ chồng không có con chung. Về tài sản: Anh chị có tài sản chung gì hay không thì địa phương không nắm được. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, địa phương không có ý kiến gì.

** Đơn đề nghị đề ngày 03/4/2025, ông Phạm Hữu Đ1, sinh năm 1955; Trú tại: 549/89/7 X, Phường 26, quận B1, Thành phố H là bố đẻ của chị Phạm Thị Phương D trình bày:*

Chị D và anh Q có kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống ông không rõ giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn cụ thể thế nào, chỉ biết giữa hai anh chị đã nhiều năm nhưng vẫn chưa có con chung, chữa trị nhiều nơi nhưng không có kết quả, khiến cuộc sống hôn nhân trở nên ngột ngạt, bế tắc, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Từ tháng 5/2024, chị D đã vào trong miền Nam để sinh sống và làm ăn, từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh Q, ông đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung: Anh chị không có con chung. Về tài sản: Anh chị có tài sản chung, có nợ chung gì của ai hay không thì ông không biết. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, ông không có ý kiến gì.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị Phương D ly hôn với anh Phạm Ngọc Q. Về con chung: Anh chị không có con chung nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q không có văn bản nào gửi về Tòa án thể hiện quan điểm của mình về phần tài sản, không có lời khai về phần tài sản nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Phương D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành

phố Thái Bình là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Toà án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên toà để tham gia tố tụng, nhưng nguyên đơn chị Phạm Thị Phương D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Ngọc Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Phương D và anh Phạm Ngọc Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ khoảng tháng 5/2024 chị D đã vào miền Nam sống và làm việc, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, vợ chồng anh chị không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Q. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo phiên hòa giải mục đích để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng anh Q không có mặt thể hiện không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị Phương D ly hôn anh Phạm Ngọc Q là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Phương D và anh Phạm Ngọc Q không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q không có văn bản nào gửi Tòa án thể hiện quan điểm của mình về phần tài sản, không có lời khai về phần tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Phương D được ly hôn anh Phạm Ngọc Q.

2. Về con chung: Chị D và anh Q không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Phương D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. *(Chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu số 0000947 ngày 03/3/2025 thành án phí).*

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị Phương D và bị đơn anh Phạm Ngọc Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường B, thành phố T, tỉnh T; GCNKH số 43 ngày 02/5/2014).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Khánh Linh